

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:
Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXX-TA ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) và ông Huỳnh Văn H sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện KP, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2013, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không tin tưởng, thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung Huỳnh Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 01/4/2015. Từ ngày vợ chồng tôi ly thân thì con chung sống cùng với tôi, ngoài ra ông H thường xuyên đi làm xa không có mặt ở nhà và cũng không quan tâm, chăm sóc cho con chung; tôi là viên chức nhà nước thu nhập hàng tháng trung bình 8.000.000^d/tháng. Hiện nay, tôi và con chung đang sinh sống trên căn nhà được xây dựng trên quyền sử dụng đất số AM 743334 thuộc thửa đất số 1251, tờ bản đồ số 15 với diện tích 156m² tại thôn 3, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện EK xác nhận là tài sản riêng của tôi đảm bảo cuộc sống để nuôi dưỡng con chung, **trong khi ông H làm nhân viên kỹ thuật điện thu nhập không ổn định, không có nhà cửa hay đất đai gì**. Do đó, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Hân đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh Văn H nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn H; Về con chung: giao con chung là Huỳnh Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 01/4/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Văn H. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Huỳnh Văn H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn H là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/4/2013 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét tình

trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, bà T đang làm viên chức nhà nước, thu nhập ổn định, có tài sản riêng là đất và nhà. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Huỳnh Nguyễn Ngọc H1 do bà T nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống, trong khi ông H thường xuyên đi làm xa nhà. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 01/4/2015 phù hợp với nguyện vọng của con chung Hân được thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đảm bảo việc ổn định học tập và cuộc sống của con chung, cũng như đáp ứng được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt của con chung là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Huỳnh Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị M nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001074 ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 01/4/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung Hân đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Huỳnh Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị M nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001074 ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND TT P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

